

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 121/2025/DS-ST
Ngày: 26-9-2025
V/v: Tranh chấp chia thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Luân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Hoàng Văn Thái
- Ông Nguyễn Văn Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký viên Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 174/2024/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2024, về “*Tranh chấp chia thừa kế*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2025/QĐXXST-DS ngày 25 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Thạch Thị L, sinh năm 1960; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Võ Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 03-7-2024 (có mặt).

- Bị đơn: Ông Thạch C, sinh năm 1952; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Trần Văn H, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo Văn bản ủy quyền ngày 12-9-2024 (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Thạch Thị N1, sinh năm 1946; địa chỉ: Khóm C, phường H, tỉnh Cà Mau.

2. Bà Võ Thị C1, sinh năm 1969; địa chỉ: Khóm C, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà N1 và bà C1: Bà Võ Thị N, sinh năm 1981; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ. Đại diện theo các Văn bản ủy quyền ngày 12-9-2025 (có mặt).

3. Ông Sơn L1, sinh năm 1959; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

4. Ông Sơn Thanh T, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp C, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

5. Ông Sơn Tuấn E, sinh năm 1984; địa chỉ: ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 03-7-2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Thạch Thị L và người đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Cha mẹ của bà L là cụ Thạch Huy X (chết năm 1982) và cụ Nguyễn Thị C2 (chết năm 2014) có tất cả 04 người con, gồm: bà L, ông Thạch C, bà Thạch Thị N1 và bà Thạch Thị H1 (đã chết năm 2002, không có chồng con). Khi còn sống, cụ X và cụ C2 có tạo lập được phần tài sản là phần đất diện tích đất 980,9m² (loại đất ODT 50m², còn lại là đất CLN), thuộc Thửa đất 354, Tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng ngày 14-5-2008 do cụ Nguyễn Thị C2 đứng tên. Khi cụ C2 còn sống, bà L là người sống cùng, trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cụ C2 và sử dụng phần đất cùng với cụ C2 cho đến nay.

Do vậy, bà Thạch Thị L yêu cầu Tòa án giải quyết: Chia di sản của cụ Thạch Huy X và cụ Nguyễn Thị C2 để lại đối phần đất có diện tích đất 980,9m² (loại đất ODT 50m², còn lại là đất CLN), thuộc Thửa đất 354, Tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ) cho bà Thạch Thị L được hưởng toàn bộ di sản.

** Đối với bị đơn ông Thạch C:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng ông Thạch C chỉ giao nộp văn bản ủy quyền cho ông Trần Văn H tham gia tố tụng mà không có nộp văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày.

** Tại Tờ tường trình ngày 04-7-2024 và Biên bản ghi lời khai ngày 30-7-2025, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị C1 trình bày:* Khi còn nhỏ, bà sống chung với bà ngoại tên Nguyễn Thị C2 và dì út tên Thạch Thị L nên có tên trong hộ khẩu. Khi còn sống, cụ Thạch Huy X (chết năm 1982) và cụ C2 (chết năm 2014) có 04 người con là Thạch Thị N1, Thạch C, Thạch Thị H1 và Thạch Thị L; bà Thạch Thị N1 là mẹ ruột của bà; còn trong hộ khẩu có tên Thạch Kim H1 và Thạch Thị H1 nhưng thực tế chỉ là một người và hiện tại đã chết không có chồng con. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà L thì bà đồng ý chia thừa kế di

sản của cụ Nguyễn Thị C2 để lại cho bà Thạch Thị L phần đất có diện tích 980,9 m² thuộc thửa đất số 354, tờ bản đồ số 08, tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ), bà không có yêu cầu gì khác.

** Tại Tờ tường trình ngày 04-7-2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N1 trình bày:* Cha mẹ của bà là cụ Thạch Huy X (chết năm 1982) và cụ Nguyễn Thị C2 (chết năm 2014) tạo lập được phần tài sản là phần đất diện tích đất 980,9m² (loại đất ODT 50m², còn lại là đất CLN), thuộc Thửa đất 354, Tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Do bà Thạch Thị L là người sống với cụ C2, trực sử dụng phần đất cùng với cụ C2, nhưng nay cụ C2 chết không để di chúc nên bà thống nhất theo đơn khởi kiện của bà L và không yêu cầu chia phần thừa kế.

** Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn L1, Sơn Thanh T và Sơn Tuấn E trình bày:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật, nhưng không có nộp văn bản nêu ý kiến nên không có lời trình bày..

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Thạch Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Thạch Thị N1, bà Võ Thị C1 là bà Võ Thị N và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Thạch C là ông Trần Văn H thống nhất trình bày cụ Thạch Huy X (chết năm 1982) và cụ C2 (chết năm 2014) có bốn người con tên Thạch Thị N1, Thạch C, Thạch Thị H1 và Thạch Thị L, hiện tại bà Thạch Thị H1 đã chết không có chồng con, bà Võ Thị C1 không yêu cầu hưởng thừa kế nên các bên thống nhất phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị C2 là phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 983,2m², thuộc thửa đất số 354 (54), tờ bản đồ số 08 (129), tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ) cho ông Thạch C được hưởng phần đất theo kết quả thẩm định có diện tích là 330m², bà Thạch Thị L được hưởng và sử dụng phần đất còn lại có diện tích theo đo đạc thực tế 652,6m², trong đó có 50m² đất ở cùng với nhà ở trên đất và có trách nhiệm quản lý phần nhà mô phía sau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay là đúng, đầy đủ theo quy định pháp luật tố tụng. Các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án chấp hành nghiêm theo giấy triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị L về yêu cầu chia thừa kế. Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị C2 để lại là quyền sử dụng phần đất có diện tích 983,2m², thuộc Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ). Những người được hưởng di sản của cụ Nguyễn Thị C2 gồm bà Thạch Thị L và ông Thạch C và bà Thạch Thị N1. Tuy nhiên bà N1 từ chối nhận di sản thừa kế. Nên người được hưởng di sản thừa kế của cụ C2 gồm có bà Thạch Thị L

và ông Thạch C. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà L và ông C thỏa thuận được việc phân chia di sản. Việc thỏa thuận này là tự nguyện và không trái với quy định pháp luật. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của bà Thạch Thị L và ông Thạch C như sau: Ông Thạch C được quản lý sử dụng phần đất có diện tích là 330,6m², loại đất CLN thuộc một phần Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc tại ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ; Bà Thạch Thị L được quyền quản lý sử dụng phần đất 652,6m² (loại đất ở 50m², đất trồng cây lâu năm 602,6m²) thuộc một phần Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc tại ấp N, xã P, thành phố Cần Thơ. Về chi phí tố tụng các đương sự được hưởng di sản phải chịu theo quy định pháp luật; về án phí hưởng di sản thừa kế được miễn toàn bộ án phí theo quy định pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng, nguyên đơn bà L khởi kiện bị đơn ông C để cầu chia thừa kế đối với quyền sử dụng đất do cha, mẹ để lại nên quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp thừa kế. Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, các đương sự được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Sơn L1, Sơn Thanh T và Sơn T Em vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông Sơn L1, Sơn Thanh T và Sơn Tuấn E.

[3] Về xác định phạm vi và giá trị tài sản tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án và tranh tụng tại phiên tòa các bên đều thống nhất chỉ yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với quyền sử dụng đất tại phần đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 983,2m², thuộc Thửa đất số 354 (54), tờ bản đồ số 08 (129), tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ). Đồng thời, các đương sự thống nhất với kết quả thỏa thuận giá trị tài sản tranh chấp đối với tổng diện tích đất tranh chấp 983,2m², trong đó đất trồng cây lâu năm có giá 300.000 đồng/m², thành tiền 983,2m² x 300.000 đồng/m² = 279.960.000 đồng; đất ở có giá 3.000.000 đồng/m², thành tiền 50m² x 3.000.000 đồng/m² = 150.000.000 đồng, tổng giá trị đất là 429.960.000 đồng (Bốn trăm hai mươi chín triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng); các tài sản gắn liền trên đất bao gồm: một căn nhà trước có giá trị còn lại là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng); một căn nhà sau loại nhà tiền chế có giá trị còn lại là 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng). Tổng cộng nhà và đất có giá trị là 483.960.000 đồng (Bốn trăm tám mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Xét thấy, đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự và phù hợp với quy định pháp luật. Mặc khác, Tòa án đã thông báo kết quả thỏa thuận giá hợp lệ nhưng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan ông Sơn L1, Sơn Thanh T và Sơn Tuấn E cũng không có ý kiến phản hồi nên Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả thẩm định và thỏa thuận giá giữa các bên nêu trên để làm cơ sở cho việc giải quyết vụ án.

[4] Về thời điểm mở thừa kế và người thừa kế: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự có mặt đều thống nhất cụ Thạch Huy X, sinh năm 1923 đã chết ngày 30-6-1982 và cụ Nguyễn Thị C2 sinh năm 1922 đã chết ngày 02-01-2014; khi sống chung cụ X và cụ C2 có bốn người con tên Thạch Thị N1, Thạch C, Thạch Thị H1 và Thạch Thị L, nhưng trong hộ khẩu còn thể hiện tên Thạch Thị Kim H1 là con của cụ X và cụ C2 là do cụ C2 khai nhầm chữ thực tế đó là bà Thạch Thị H1 hiện tại đã chết không có chồng con. Sau khi đối chiếu các giấy trích lục khai tử tên Thạch Huy X, Thạch Thị H1 và giấy chứng tử tên Nguyễn Thị C2 và biên bản xác minh ngày 03-5-2025. Căn cứ vào các Điều 611, 613, 651 và 652 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định thời điểm mở thừa kế của cụ X là ngày 30-6-1982, cụ H2 là ngày 02-01-2014; những người thừa kế của cụ X và cụ C2, gồm: bà Thạch Thị N1, ông Thạch C và bà Thạch Thị L thuộc hàng thừa kế thứ nhất.

[5] Xét yêu cầu chia thừa kế bà L đối với phần đất diện tích 983,2m², thuộc Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ): Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thống nhất phần đất là di sản của cụ C2, đồng thời bà N1 trình bày không yêu cầu được hưởng di sản; đối với những người có quyền lợi và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bà L và người đại diện theo ủy quyền của ông C đã thống nhất thỏa thuận phân chia di sản, cụ thể: Chia cho ông Thạch C hưởng phần đất theo kết quả thẩm định thực tế có diện tích là 330,6m², loại đất trồng cây lâu năm, chia cho bà Thạch Thị L được hưởng và sử dụng phần đất còn lại có diện tích theo đo đạc thực tế 652,6m², trong đó có 50m² đất ở cùng với nhà ở trên đất và có trách nhiệm quản lý phần nhà mô phía sau. Xét thấy, phần đất tranh chấp là loại đất ở và trồng cây lâu năm tiếp giáp tuyến Quốc lộ A nên việc phân chia di sản bằng hiện vật của các bên bảo đảm diện tích tối thiểu tách thửa theo quy định và việc các đương sự thỏa thuận phân chia di sản thừa kế là tự nguyện không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự thỏa thuận của các đương sự.

[6] Về chi phí tố tụng: Tổng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ trong quá trình giải quyết vụ án là 6.217.353 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà L và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông C thống nhất thỏa thuận bà L và ông C mỗi người chịu 50% nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án bà L đã tạm ứng trước chi phí tố tụng nên ông C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà L số tiền 3.108.676 đồng (Ba triệu, một trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bà L và ông C được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

[8] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 7 – Cần Thơ phát biểu quan điểm giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận của các đương sự về chia thừa kế của các đương sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 5 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 157; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ Luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 614; Điều 620; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651; Điều 652; Điều 660 và Điều 668 của Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị L về yêu cầu chia thừa kế.

- Xác định di sản của cụ Nguyễn Thị C2 để lại là quyền sử dụng phần đất có diện tích 983,2m², thuộc Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ).

- Những người được hưởng di sản của cụ Nguyễn Thị C2 gồm bà Thạch Thị L và ông Thạch C.

- Ghi nhận sự thỏa thuận về việc phân chia di sản thừa kế của bà Thạch Thị L và ông Thạch C như sau:

+ Chia cho ông Thạch C phần đất có diện tích là 330,6m², loại đất trồng cây lâu năm, thuộc một phần Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ).

+ Chia cho bà Thạch Thị L phần đất 652,6m², loại đất ở 50m², đất trồng cây lâu năm 602,6m², thuộc một phần Thửa đất số 354, Tờ bản đồ số 08 (Thửa đất mới 54, Tờ bản đồ số 129), tọa lạc tại ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã P, thành phố Cần Thơ).

Bà Thạch Thị L được quyền sử dụng các tài sản gắn liền trên phần diện tích đất được hưởng thừa kế, bao gồm: 01 (Một) căn nhà chính có diện tích (5x12,6)m²; 01 (Một) căn nhà sau có diện tích (5x8)m²; 01 (Một) nhà tạm có diện tích (5x6,6)m² và sân xi măng có diện tích (5,80x9,90)m² và có trách nhiệm quản lý khu nhà mồ có diện tích (6,30x10,60)m².

Đính kèm sơ đồ hiện trạng phần đất.

Bà Thạch Thị L và ông Thạch C có quyền, nghĩa vụ liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục đăng ký cấp giấy chứng nhận đối với phần tài sản được chia.

3. Về chi phí tố tụng:

- Bà Thạch Thị L phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản số tiền 3.108.676 đồng (Ba triệu, một trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng), nhưng khấu trừ số tiền nộp tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp, bà Thạch Thị L đã nộp đủ chi phí tố tụng.

- Ông Thạch C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Thạch Thị L số tiền chi phí tố tụng 3.108.676 đồng (Ba triệu, một trăm lẻ tám nghìn, sáu trăm bảy mươi sáu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà Thạch Thị L có yêu cầu thi hành án mà ông Thạch C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì phải chịu khoản lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền chậm trả và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Thạch Thị L và ông Thạch C được miễn toàn bộ án phí sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có người đại diện có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND Khu vực 7 – Cần Thơ;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- THADS thành phố Cần Thơ;
- Lưu: HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Nguyễn Minh Luân**